

Bản án số: 12/2023/HNST
Ngày: 09-02-2023
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Đặng Song Hoàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- **Đại diện VKSND TP.Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09-02-2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 983/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2022/QĐSTXX-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HPT ngày 11-01-2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Ngọc Thảo V, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ nhà số S, đường B, Phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** Ông Mai Xuân T, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Địa chỉ nhà số X, đường L, Phường F, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Nguyên đơn bà Trần Ngọc Thảo V trình bày:** Sau một thời tìm hiểu, bà và ông Mai Xuân T đăng ký kết hôn vào ngày 05-11-2007, được UBND Phường T, thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 156. Hiện nay, vợ chồng bà có 02 con, gồm Mai Trúc P, sinh ngày 11-3-2009 và Mai Xuân Đ, sinh ngày 13-3-2011. Trong suốt thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây lộn nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn nhậu, bài bạc, bỏ bê vợ con. Cuộc sống ngày càng khó khăn nhưng ông T không chí thú làm ăn, không quan tâm đến gia đình, sáng sớm chiều say, coi nhà như chốn trọ, chỉ về khi cần chỗ để ngủ. Sau một thời gian dài cố gắng níu kéo mong ông T thay đổi để giữ gia đình cho con đầy đủ nhưng nay sự chịu đựng của bà đã vượt

quá giới hạn, bà không thể tiếp tục cuộc sống mệt mỏi, để con cái phát triển bình thường như bao trẻ nhỏ khác, để những cuộc cãi vã của bố mẹ không ảnh hưởng đến tâm lý, sự tổn thương của 02 con và thực tế tình cảm vợ chồng không còn, để giải thoát cho nhau, bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Mai Xuân T.
- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung, gồm: Mai Trúc P, sinh ngày 11-3-2009 và Mai Xuân Đ, sinh ngày 13-3-2011. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Bị đơn ông Mai Xuân Tiền vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông T là có thật nguyên nhân theo bà V cho rằng do ông T ham chơi cờ bạc, ăn nhậu rượu chè, không lo làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, không hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, đề nghị Hội đồng giao 02 con chung là Mai Trúc P, sinh ngày 11-3-2009 và Mai Xuân Đ, sinh ngày 13-3-2011 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi, tài sản chung và nợ chung bà V không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Ngọc Thảo V và ông Mai Xuân T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, thành phố Vũng Tàu. Nay bà V có đơn yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T cư trú, sinh sống tại Vũng Tàu. Do đó, xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt xét xử lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND Phường T, thành phố Vũng Tàu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 05-11-2007 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà V cho rằng, trong suốt thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây lộn nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn nhậu, bài bạc, bỏ bê vợ con. Cuộc sống ngày càng khó khăn nhưng ông T không chí thú làm ăn, không quan tâm đến gia đình, sáng sớm chiều say, coi nhà như chốn trọ, chỉ về khi cần chỗ để ngủ. Sau một thời gian dài cố gắng níu kéo mong ông T thay đổi để giữ gia đình cho con đầy đủ nhưng nay sự chịu đựng của bà đã vượt quá giới hạn, bà không thể tiếp tục cuộc sống mệt mỏi, để con cái phát triển bình thường như bao trẻ nhỏ khác, để những cuộc cãi vã của bố mẹ không ảnh hưởng đến tâm lý, sự tổn thương của 02 con nên bà đã đưa 02 con ra ngoài thuê nhà sinh sống riêng với ông T từ tháng 6-2022 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Theo xác minh tại địa phương xác nhận, bà V và ông T kết hôn năm 2007. Sau kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà số X, đường L, Phường F, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến nay. Thời gian cư trú tại địa chỉ trên, bà V và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, to tiếng nguyên nhân xuất phát cả 02 bên. Vào khoảng tháng 6/2022, bà V ông T va chạm liên quan đến vấn đề tài sản nên bà V đưa hai con đi nơi khác sinh sống.

Xét tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà V, ông T là có thật. Bà V cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và sự chịu đựng của bà đối với ông T đã vượt quá giới hạn. Ngược lại trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không có mặt thể hiện việc bỏ mặc, không quan tâm đến hôn nhân của mình với bà V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà V và ông T có 02 con chung, gồm: Mai Trúc P, sinh ngày 11-3-2009 và Mai Xuân Đ, sinh ngày 13-3-2011. Ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung và 02 con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, giao 02 con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc Thảo V được ly hôn với ông Mai Xuân T.

[2]. Về con chung: Bà V và ông T có 02 con chung, gồm: Mai Trúc P, sinh ngày 11-3-2009 và Mai Xuân Đ, sinh ngày 13-3-2011. Hội đồng xét xử giao 02 con chung là Mai Trúc P và Mai Xuân Đ cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003414 ngày 02-11-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà V đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 8, thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng